

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số phiếu: 04792/2023/PKQ(23.3129)

Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương
Địa chỉ : Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023
Ngày trả kết quả : 12/10/2023
Vị trí lấy mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N290923-031	NT1	Nước thải trước xử lý (X= 2317770; Y=585754)	Nước thải
2	N290923-032	NT2	Nước thải sau xử lý (X=2317772; Y=585756)	Nước thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường
Thịnh Trường Phát lấy về.
Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
Thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
PH: Không phát hiện
MQL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
7. KPT: Không phân tích



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: N290923-031-032)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT		QCVN 14:2008/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột B	Cột B, Cmax, Kq=0,9; Kf=1,1	Cột B	Cột B, Cmax, K=1,2
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,12	7,09	5,5 + 9	5,5 + 9	5 - 9	5 + 9
2	TDS ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	541	311	-	-	1.000	1.200
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001- 1:2008	103,8	3,05	50	49,5	50	60
4	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	297,2	6,32	150	148,5	-	-
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	264	35	100	99	100	120
6	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,002)	KPH (MDL = 0,002)	0,1	0,099	-	-
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL = 0,0007)	KPH (MDL = 0,0007)	0,01	0,0099	-	-
8	DO ^(b)	mg/l	TCVN 7325:2016	3,7	4	-	-	-	-
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,03)	0,5	0,495	-	-
10	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	2,76	6,18	-	-	50	60
11	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	TCVN 6193(A):1996	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	0,1	0,099	-	-
12	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,36	0,446	-	-	10	12
13	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,8	KPH (MDL = 0,3)	-	-	20	24
14	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540 B&C:2017	0,086	KPH (MDL = 0,020)	-	-	10	12
15	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	26,9	10,65	40	39,6	-	-

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện.

6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. KPT: Không phân tích

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023

Trang 2/3



16	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,54	0,54	6	5,94	-	-
17	Coliforms ^(a,b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1,1 x 10 ³	7,9 x 10 ²	5.000	5.000	5.000	5.000

Chú thích:

a)- Thông số được chứng nhận VLat;

b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B, Cmax: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Cmax, Kq=0,9; Kf=1,1

Cột B, Cmax: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ); Cmax, K=1,2

N290923-031: Nước thải trước xử lý (NT1)

N290923-032: Nước thải sau xử lý (NT2)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Thuan

Đỗ Thị Thuý Vân

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân



Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.

Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. KPT: Không phân tích

MTT7.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023

Trang 3/3



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số phiếu: 04789/2023/PKQ(23.3129)

Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương
Địa chỉ : Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023
Ngày trả kết quả : 12/10/2023
Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT290923-003	KT	Ống khói lò hơi (X=2317713; Y=585736)	Khí thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường
Thịnh Trường Phát lấy về.
Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. KPT: Không phân tích

MTT.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023

Trang 1/2



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT290923-003)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT	Cột B	Cột B, Cmax
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	68,0	200	120
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	0,769	50	30
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	393,3	1.000	600
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	110,0	500	300
5	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	9,40	850	510

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Cmax: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (Cmax: Kp=1; Kv=0,6)

- KT290923-003: Ông khói lò hơi (KT)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Đỗ Thị Thuý Vân

Đỗ Thị Thuý Vân

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân
Hữu Thị Ngân

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- KPT: Không phân tích.

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023

Trang 2/2

